

Số: 19/QĐ-MNHN

Nhân Cơ, ngày 08 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai bổ sung và điều chỉnh giảm dự toán  
NSNN năm 2026**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Nhân Cơ về việc bổ sung và điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2026 cho các đơn vị trường học;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Công bố công khai số liệu bổ sung và điều chỉnh giảm dự toán chi NSNN năm 2026 của trường Mầm non Hoa Mai (có dự toán thu, chi ngân sách nhà nước kèm theo).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các bộ phận, tổ chức, cá nhân thuộc trường Mầm non Hoa Mai căn cứ thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Phạm Thị Lố Hải*

Đơn vị: Trường Mầm non Hoa Mai

Chương: 822

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-MNHN ngày 08/7/2026 của trường MN Hoa Mai)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng.

| STT        | Nội dung                                                                                      | Dự toán được giao |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                                             | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                            |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                     |                   |
| 1          | Lệ phí                                                                                        |                   |
|            | Lệ phí                                                                                        |                   |
|            | Lệ phí                                                                                        |                   |
| 2          | Phí                                                                                           |                   |
|            | Phí                                                                                           |                   |
|            | Phí                                                                                           |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                                                                     |                   |
| a          | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |                   |
| b          | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                 |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                                              |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                                        |                   |
| <b>III</b> | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                   |                   |
| <b>1</b>   | <b>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ</b>                                         |                   |
|            | Lệ phí                                                                                        |                   |
|            | Lệ phí                                                                                        |                   |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                                                                    |                   |
|            | Phí                                                                                           |                   |
|            | Phí                                                                                           |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                                         | <b>44.280.000</b> |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                                             | <b>44.280.000</b> |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                 |                   |
| 1.1        | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                                                         |                   |
| 1.2        | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                                                   |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                   |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                                |                   |
| -          | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ       |                   |
| -          | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ |                   |
| 2.2        | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                                             |                   |
| 2.3        | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                                       |                   |
| -          | Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                                                 |                   |
| -          | Nhiệm vụ chuyển đổi số                                                                        |                   |



| STT       | Nội dung                                                                    | Dự toán được giao |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>                            | <b>44.280.000</b> |
| 3.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           | -66.420.000       |
| 3.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     | 110.700.000       |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |                   |
| 4.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 4.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |                   |
| 5.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 5.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |                   |
| 6.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 6.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |                   |
| 7.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 7.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |                   |
| 8.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 8.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |                   |
| 9.1       | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 9.2       | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |                   |
| 10.1      | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                           |                   |
| 10.2      | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                                     |                   |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                   |                   |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                   |
| 1.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 1.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                   |
| 2.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 2.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>                            |                   |
| 3.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 3.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |                   |
| 4.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 4.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |                   |
| 5.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 5.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |                   |
| 6.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 6.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |                   |
| 7.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 7.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |                   |



| STT        | Nội dung                                                                    | Dự toán được giao |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 8.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 8.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |                   |
| 9.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 9.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |                   |
| 10.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 10.2       | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                              |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                               |                   |
| 1.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 1.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                   |
| 2.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 2.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>                            |                   |
| 3.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 3.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                               |                   |
| 4.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 4.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                   |                   |
| 5.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 5.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                |                   |
| 6.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 6.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                      |                   |
| 7.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 7.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                      |                   |
| 8.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 8.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                     |                   |
| 9.1        | Dự án A                                                                     |                   |
| 9.2        | Dự án B                                                                     |                   |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                       |                   |
| 10.1       | Dự án A                                                                     |                   |
| 10.2       | Dự án B                                                                     |                   |

Ngày 08 tháng 7 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Chi Kiều Hải